

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN HỌC KÌ I.
MÔN NGỮ VĂN 12
Năm học: 2022-2023

A. CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC KÌ I

+ **Phần 1: Đọc hiểu:** 3,0 điểm- 4 câu (3 mức độ)

+ **Phần 2: Làm văn:** 7,0 điểm (Nghị luận xã hội, Nghị luận văn học)

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

I. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. 06 PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

TT	Tên	BẢN CHẤT	DẤU HIỆU
1	Tự sự	Là kể chuyện: nghĩa là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc, thể hiện 1 ý nghĩa	- Có người kể chuyện - Có nhân vật (người, vật, đồ vật,...) - Có sự việc diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc, ...)
2	Biểu cảm	- Là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tâm trạng - Giúp người đọc cảm nhận: + Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong tác phẩm + Hoạch của chính tác giả về sự việc trong câu hoặc với người đọc, người nghe	- Có thể xuất hiện trực tiếp từ cảm thán: <i>thương, yêu, ghét, nhớ,...</i> - Bộc lộ gián tiếp qua cái nhìn, cảm nhận, đánh giá
3	Miêu tả	- Là dùng ngôn ngữ mô tả hình dáng, đặc điểm, tính chất ... làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc - Diễn tả thế giới nội tâm của con người.	Dùng các tính từ chỉ tính chất, màu sắc, trạng thái của sự vật, hiện tượng, ...
4	Nghị luận	- Dùng ngôn ngữ để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết - Giúp người đọc hiểu sâu sắc vấn đề, đồng tình với ý kiến của người viết.	- Có lí lẽ kết hợp với dẫn chứng - Đối tượng bàn bạc rất rộng: vấn đề đời sống xã hội, đạo đức, phẩm chất, quan hệ, các hiện tượng đang xảy ra, ...
5	Thuyết minh	- Là trình bày, giới thiệu, giảng giải, ... về một sự vật, hiện tượng nào đó - Cung cấp tri thức một cách khách quan, khoa học, chính xác	Đối tượng thường là: một cá nhân (nhà thơ, văn, nhà chính trị, khoa học, ...) một danh lam thắng cảnh, ... nào đó

2. 06 THAO TÁC LẬP LUẬN



3. 06 PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

PCNN	MỤC ĐÍCH, PHẠM VI SỬ DỤNG	VĂN BẢN
CHÍNH LUẬN	Trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,...theo một quan điểm chính trị nhất định.	<i>Tuyên ngôn, lời kêu gọi, lời hiệu triệu, bài bình luận, xã luận, ...</i>
BÁO CHÍ	Thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH	<i>Bản tin, phóng sự, bình luận, quảng cáo, tiểu phẩm, ...</i>
NGHỆ THUẬT	Chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ.	<i>Thơ, truyện, kịch, ...</i>
KHOA HỌC	Dùng trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu, phổ biến khoa học, đảm bảo tính chính xác,	<i>SGK, luận văn, luận án, tài liệu nghiên cứu</i>
SINH HOẠT	Là lời ăn tiếng nói hằng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,...đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.	<i>Lời nói, thư, nhật kí, ...</i>
HÀNH	Dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao	<i>Đơn, biên bản,</i>

CHÍNH	tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí	<i>ngụ định, nghị quyết, Thông tư, Chỉ thị,</i>
--------------	--	--

4. BIỆN PHÁP TU TỪ

4.1. TU TỪ TỪ VỰNG

STT	BPTT	BẢN CHẤT – TÁC DỤNG
1	ẨN DỤ	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác <i>có nét tương đồng</i> (giống nhau) với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt
2	HOÁN DỤ	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác <i>có nét tương cận</i> (gần nhau) với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt
3	SO SÁNH	Là <i>đối chiếu</i> 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt
4	ĐIỆP	Là <i>lặp lại</i> một yếu tố diễn đạt (từ, cụm từ, vần, nhịp, cấu trúc câu, ...) nhằm <i>nhấn mạnh</i> , tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn, văn bản
5	ĐỐI	Là <i>cách sắp đặt</i> từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm mục đích gợi ra một vẻ đẹp <i>hoàn chỉnh và hài hòa</i> nhằm diễn đạt một ý nghĩa nào đó
6	NHÂN HÓA	Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn <i>chỉ dành cho con người</i> để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.

4.2. TU TỪ CÚ PHÁP (CÂU)

a. ĐIỆP NGỮ

Là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.

b. LIỆT KÊ

Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.

Là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt.

d. ĐẢO NGỮ

Là thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu, nhằm nhấn mạnh ý, nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng và làm câu thơ, câu văn thêm sinh động, gợi cảm, hài hòa về âm thanh,...

e. LẬP CẤU TRÚC

Là tạo ra những câu văn đi liền nhau trong văn bản với cùng một kết cấu nhằm nhấn mạnh ý và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản

f. CHÊM XEN

- Là chêm vào câu một cụm từ không trực tiếp có quan hệ đến quan hệ ngữ pháp trong câu, nhưng có tác dụng rõ rệt để bổ sung thông tin cần thiết hay bộc lộ cảm xúc. Thường đứng sau dấu gạch nối hoặc trong ngoặc đơn.

g. CÂU HỎI TU TỪ

Là đặt câu hỏi nhưng không đòi hỏi câu trả lời mà nhằm nhấn mạnh một ý nghĩa khác.

5. CÁC THỂ THƠ

5.1. Cách xác định: dựa vào số tiếng trong mỗi câu/dòng thơ

5.2. Một số thể thơ thường gặp

- Thơ tự do :

- Không bị gò bó bởi số câu số chữ, niêm, luật, vần, đối, ...

- Số tiếng trong mỗi câu/dòng khác nhau

- **Thơ năm chữ (Ngũ ngôn):** mỗi câu có 5 chữ. Bài thơ thường được chia thành nhiều khổ nhỏ, mỗi khổ gồm 4 dòng/câu thơ

- **Song thất lục bát:** mỗi đoạn có 4 câu, hai câu đầu là Song Thất (có nghĩa là mỗi câu có 7 chữ) hai câu cuối là Lục, Bát (câu thứ ba sáu chữ, câu thứ 4 tám chữ)

- **Lục bát:** một câu sáu chữ rồi đến một câu tám chữ cứ thế nối liền nhau. Bài thơ lục bát thông thường được bắt đầu bằng câu lục và kết thúc bằng câu bát.

- **Đường Luật:** Đường luật có 02 loại chính

+ Thất ngôn bát cú: một bài có 8 câu, mỗi câu 7 chữ (7 tiếng)

+ Thất ngôn tứ tuyệt: một bài có 4 câu, mỗi câu 7 chữ (7 tiếng)

- **Thơ bốn chữ, thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ:** Số tiếng/chữ các câu trong bài giống nhau (4 – 6- 7 -8 chữ) Không có quy định về số câu trong khổ, số khổ thơ trong bài

PHẦN II:

II.1. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

***Nghị luận về một hiện tượng đời sống**

***Nghị luận về một tư tưởng đạo lí (viết một đoạn văn 200 chữ)**

Cấu trúc	Nội dung	Yêu cầu
Mở đoạn	Giới thiệu trực tiếp vào khía cạnh của “A” (khía cạnh vấn đề cần bàn luận)	- Nêu ngắn gọn, không dẫn dắt dài dòng. - Câu giới thiệu phải chứa khía cạnh bàn luận đề bài yêu cầu.
Thân đoạn	Giải thích từ khó, giải thích “A” (nếu cần)	Ngắn gọn, tường minh (có thể giải thích bằng nêu khái niệm hoặc nêu biểu hiện của A)
	Phân tích, chứng minh khía cạnh của “A”. (lí giải tại sao lại như vậy? Muốn làm thì như thế nào?)	Triển khai thẳng vào khía cạnh bàn luận (Trọng tâm). Đưa dẫn chứng cô đọng trong thực tế cuộc sống có tác dụng thuyết phục.
	Bàn luận, mở rộng vấn đề	- Lật ngược vấn đề - Phê phán những tư tưởng, biểu hiện trái ngược
Kết đoạn	Khẳng định vấn đề NL. Rút ra bài học nhận thức và hành động Thông điệp	- Nhận thức ý nghĩa, tính đúng đắn, tác dụng của tư tưởng. - Hành động. (1-2 câu)

II.2. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

* Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

1. Kiến thức chung

- Đối tượng nghị luận là một đoạn thơ, bài thơ là trình bày nhận xét, đánh giá của mình về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.
- Cần phải giới thiệu khái quát bài thơ hoặc đoạn thơ.
- Bàn về giá trị nội dung nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ theo định hướng của đề bài.
- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ, hình ảnh thơ.

2. Dàn ý khái quát

Mở bài

- Giới thiệu ngắn gọn về những nét chính về tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu những vấn đề nghị luận và trích dẫn.

Thân bài

- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, vị trí đoạn thơ, bài thơ,...
- Phân tích cụ thể khổ thơ, đoạn thơ
- + Phân tích theo bố cục của bài hoặc từng câu (bổ ngang)
- + Phân tích theo hình tượng hoặc nội dung xuyên suốt bài thơ (bổ dọc).

– Nêu đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ: những hình ảnh giàu ý nghĩa, biểu tượng, cấu tứ, nhịp điệu.

Kết bài

Đánh giá khái quát và khẳng định giá trị riêng, đặc sắc của bài thơ, đoạn thơ nghị luận.

*** Nghị luận về một tác phẩm văn xuôi**

1. Kiến thức chung:

- Đối tượng của bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi, tức là tìm hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm hoặc một đoạn trích.
- Cần phải giới thiệu khái quát tác phẩm hoặc đoạn trích.
- Bàn về giá trị nội dung nghệ thuật của tác phẩm, đoạn trích theo định hướng của đề bài.
- Đánh giá chung về tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

2. Dàn ý khái quát.

a) Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, đoạn trích..
- Giới thiệu khái quát yêu cầu của đề bài.

b) Thân bài:

- Phân tích yêu cầu của đề bài. (Cần phải xây dựng được luận điểm để triển khai ý theo luận điểm ấy và hướng người đọc theo luận điểm vừa xây dựng của mình).
- Cần chú ý khai thác từ ngữ, câu văn, các biện pháp tu từ để làm rõ nội dung.
- Mở rộng so sánh để bài viết được phong phú, thuyết phục. Tránh tóm tắt hoặc kể xuôi, viết lan man.

c) Kết bài:

- Đánh giá khái quát nội dung, nghệ thuật tác phẩm hoặc đoạn trích.
- Tuỳ vào từng đề bài mở rộng, liên hệ với đời sống

3. Phạm vi kiến thức ôn tập

BÀI 1: SÓNG – Xuân Quỳnh

1. Tác giả:

- Xuân Quỳnh có cuộc đời bất hạnh, luôn khát khao tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử

- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khát khao hạnh phúc đời thường, bình dị, nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

2. Bài thơ “Sóng”

* Hoàn cảnh sáng tác: Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi công tác vùng biển Diêm Điền. Trước khi Sóng ra đời, Xuân Quỳnh đã phải nếm trải những đổ vỡ trong tình yêu. Đây là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ và phong cách thơ Xuân Quỳnh. Tác phẩm được in trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).

* Âm điệu, nhịp điệu của bài thơ

- Âm điệu bài thơ Sóng là âm điệu, của những con sóng ngoài biển khơi, lúc ào ạt, dữ dội lúc nhẹ nhàng, khoan thai. Âm điệu đó được tạo nên bởi: Thể ngũ ngôn với những câu thơ được ngắt nhịp linh hoạt.

- Bài thơ có hai hình tượng là “sóng” và “em” - lúc phân tách, soi chiếu vào nhau, lúc nhập hòa làm một trong một cái tôi trữ tình duy nhất là Xuân Quỳnh.

3. Phân tích bài thơ

3.1. Sóng và em- những nét tương đồng.

a. Khổ 1 và 2:

* Cung bậc của sóng

- dữ dội >< dịu êm

- ồn ào >< lặng lẽ

-> Cung bậc phong phú, trạng thái đối cực phức tạp, bí ẩn, đầy nghịch lí của sóng -> gợi liên tưởng cung bậc. Cảm xúc của người con gái đang yêu: cuồng nhiệt, giận hờn, ghen tuông >< ngẩn ngơ, mơ màng, sâu lắng => Hồn nhiên, trong sáng

* Hành trình của sóng: từ sông (chật hẹp, hữu hạn) ra biển (rộng lớn, vô cùng) ⇔ Hành trình của tình yêu: Muốn vươn xa, thoát khỏi cái nhỏ hẹp tầm thường, tìm đến cái lớn lao cao thượng...

=> Quá trình tự nhận thức, tự khám phá tìm đến giá trị đích thực và sự đồng điệu trong tình yêu -> mạnh mẽ, tha thiết

* Quy luật của sóng: *ngày xưa* >< *ngày sau* -> *vẫn thế* : con sóng muôn đời vẫn vỗ, xôn xao -> quy luật tự nhiên ⇔ Quy luật lòng người: Tình yêu là *khát vọng* muôn đời nhưng *bồi hồi*, thổn thức nhất là trong trái tim tuổi trẻ.

b. Khổ 3 và 4

- Nghĩ ...anh, em biển lớn

-> Từ hình tượng sóng -nhà thơ đã nhận thức về tình yêu của mình <-> Tình yêu sánh ngang biển lớn -sánh ngang cuộc đời.

- Từ nơi nào sóng lên?

-> muốn tìm hiểu ngọn nguồn của sóng-> Muốn tìm hiểu sự khởi nguồn của tình yêu.

-Sóng bắt đầu từ gió

Gió bắt đầu từ đâu ?

- Em cũng không biết nữa...”

->Không cắt nghĩa được tình yêu. Tình yêu là hiện tượng tâm lí khác thường, đầy bí ẩn.

-> Cách lí giải trực cảm nữ tính. Khát vọng khám phá vừa chân thành, tha thiết

c. Khổ 5-6-7:

- Khổ 5:

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức.

- Nỗi nhớ có cường độ- trường độ, vượt không gian -thời gian, xâm chiếm tâm hồn con người trong cả cõi ý thức - vô thức.

- Nhịp điệu thơ dồn dập như nhịp sóng cồn ào mãnh liệt.

->Nỗi nhớ da diết, mãnh liệt .

- **Khổ 6-7:**

+ Lúc nào em cũng nghĩ

Hướng về anh một phương

+ Con nào chẳng tới bờ

Dù ...cách trở

-> Luôn trăn trở nhưng vẫn tin vào tình yêu thủy chung son sắt.

* Tóm lại, qua 7 khổ thơ đầu, nhà thơ mượn hình tượng sóng để nói nên thật chân thành táo bạo, không hề giấu giếm khát vọng tình yêu sôi nổi, mãnh liệt, vừa trong sáng, giản dị, thủy chung duy nhất. Câu hỏi tu từ -> không cắt nghĩa được nguồn gốc của sóng.

3.2. Khổ 8 -9 :

- Cuộc đời tuy dài thế

(nhưng) Năm tháng vẫn đi qua

Như biển kia dẫu rộng

(nhưng) Mây vẫn bay về xa

-> Cặp kết cấu: Tuy- nhưng- vẫn (như) Dẫu- nhưng vẫn => Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời- ý thức sâu về sự hữu hạn của đời, sự mong manh của hạnh phúc.

- Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ.

...Để ngàn năm còn vỗ

-> Khát vọng sống hết mình trong tình yêu. Khát vọng hóa thân thành sóng để bắt tử hóa tình yêu.

- Thể hiện sự nhạy cảm với sự trôi chảy của thời gian: “*Cuộc đời tuy dài thế /Năm tháng ... qua*”

-> Lo âu, trăn trở, ý thức sâu sắc về sự nhỏ bé, hạn hữu của đời người, sự mong manh, khó bền chặt của tình yêu. Lo âu gắn liền với khao khát nắm giữ lấy hạnh phúc trong hiện tại

- Thể hiện ước nguyện: hóa thân để vĩnh viễn hóa tình yêu của mình, để nó sống mãi với thời gian, nhịp bước cùng năm tháng

->Ước nguyện chân thành, khát vọng sống hết mình cho tình yêu với sự hi sinh, dâng hiến

TL: Hành trình của sóng, hành trình của tâm hồn người phụ nữ đang yêu có một sự vận động nhất quán. Đó là cuộc hành trình đi từ cái nhỏ bé, hạn hẹp để tìm đến một tình yêu bao la, rộng lớn và cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong t/ yêu, được hóa thân vĩnh viễn vào ty muôn thủa.

***Nghệ thuật:** Xây dựng sáng tạo, thành công hình tượng sóng đôi sóng và em. Thể thơ ngũ ngôn, cách ngắt nhịp linh hoạt, biến hóa.

BÀI 2: ĐẤT NƯỚC (Nguyễn Khoa Điềm)

(Trích trường ca Mặt đường khát vọng)

1. Tác giả:

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Nguyễn Khoa Điềm thể hiện một phong cách thơ trữ tình – chính luận. Thơ ông giàu chất suy tư, xúc cảm lắng đọng, thể hiện tâm tư, ý thức của một công dân yêu nước đối với vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc chiến đấu chung của cả dân tộc, thể hiện những nhận thức sâu sắc về nhân dân, đất nước qua những trải nghiệm của chính mình.

2. Tác phẩm:

a) Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ đoạn trích:

Trường ca “Mặt đường khát vọng” được sáng tác trong thời kì tác giả sống và làm việc tại chiến khu Trị - Thiên từ 1971 và được xuất bản năm 1974 với nội dung nói về sự thức tỉnh của tầng lớp thanh niên đô thị vùng tạm chiếm trước bước ngoặt lịch sử của dân tộc, trong cuộc đối đầu giữa chính nghĩa và phi nghĩa để giành độc lập hòa bình cho Tổ quốc, cho dân tộc, về sứ mệnh của lớp người trẻ tuổi đối với đất nước.

- Đoạn trích “Đất Nước” thuộc phần đầu chương V của trường ca này, với cảm hứng chủ đạo là đất nước của nhân dân, là đoạn tiêu biểu của “Mặt đường khát vọng”.

b) Đề tài:

Đoạn trích “Đất Nước” mang lại cái nhìn mới mẻ về đất nước, một đề tài quen thuộc trong văn học Việt Nam, mà qua đó đất nước hiện ra với vẻ đẹp nhiều chiều từ lịch sử, văn hóa, địa lí, ... để từ đó, tác giả khái quát đất nước là kết tinh của quá trình đấu tranh lâu dài của dân tộc, là sự hội tụ của khát vọng của nhân dân và chính nhân dân là người làm nên đất nước, “Đất nước là của nhân dân”.

3. Phân tích

3.1. Cảm nhận mới mẻ của nhà thơ về Đất Nước.

***Lí giải cội nguồn Đất Nước:**

- Tác giả nhìn nhận có từ rất lâu, thời gian mang tính hư ảo, huyền thoại.

Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi

....

Đất Nước có từ ngày đó

-Đất Nước khởi đầu từ trong những chuyện đời xưa, từ phong tục ăn trầu và trưởng thành từ truyền thống “biết trồng tre mà đánh giặc”, truyền thống anh hùng, yêu nước, chống ngoại xâm.

- Đất Nước bắt nguồn từ đời sống lam lũ, lo toan hằng ngày và bắt nguồn từ đời sống tình cảm:

“Cha mẹ thương nhau... giàn sàng”

=> Đất Nước hiện lên vừa thiêng liêng vừa gần gũi, thân thiết, nó ko hề xa xôi, trừu tượng mà có mặt ngay trong cuộc sống đời thường.

***Định nghĩa về Đất Nước:**

- Cấu trúc: Đất là...;Nước là...;Đất Nước là...

Định nghĩa bằng cách chiết tự, tách ghép hai từ Đất và Nước gợi chiều dài tư tưởng. Đất nước là sự hài hòa của nhiều yếu tố nhưng chủ yếu là hai yếu tố. Đó là không gian địa lí và thời gian lịch sử và chiều sâu văn hóa.

+ Về không gian địa lí:

- ĐN là nơi sinh sống của mỗi con người

+ Là nơi Tình yêu nảy nở “Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”.

+ Là núi sông, rừng bể... không gian tồn tại của cộng đồng bao thế hệ

=> Không gian rộng lớn mênh mông.

+ Về thời gian lịch sử:

- Những hình tượng thần thoại, lấy từ truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ, Hùng Vương ngày giỗ tổ... Thấm đẫm tính lịch sử, nhắc nhở mọi người nhớ về cội nguồn dân tộc.

***ĐN hóa thân trong mỗi con người:**

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

-Hai câu thơ làm nên chất chính luận. Nó mang tính triết lí thật sâu sắc. Đó là mối quan hệ giữa cá thể với cộng đồng giữa mỗi người với Đất Nước của mình.

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

...Làm nên Đất Nước muôn đời

- Tiếng gọi thiết tha “Em ơi em!”, kết hợp với sự khẳng định “Đất Nước là máu xương của mình” và hàng loạt những từ phải biết, gắn bó, san sẻ, hoá thân, làm nên... Tất cả như lời giục giã, cởi mở chân thành, nhắc nhở mỗi người phải có trách nhiệm đối với Đất nước.

=>Tác giả cảm nhận Đất Nước trên nhiều bình diện, phát hiện nhiều điều mới mẻ vừa như đời thường hàng ngày, vừa thiêng liêng, vĩnh hằng, nhắc nhở mỗi người phải có trách nhiệm đối với Đất Nước.

2. Tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”

*** Đoạn từ: Những người...đến đã hóa núi sông ta- Từ không gian địa lí:**

- Nó không chỉ là tặng vật của tạo hóa mà là sự hóa thân của tâm hồn nhân dân.

- Điệp từ, lặp cú pháp, liệt kê- Trình bày theo kiểu qui nạp

=> nhấn mạnh : Nhân Dân đã làm nên Đất nước. Đặc biệt sự đóng góp của người dân bình thường.

*** Đoạn còn lại : Từ thời gian lịch sử**

- Đối tượng : con gái, con trai-> lao động, chiến đấu => anh hùng

- Điều đặc biệt : tác giả tôn vinh những người anh hùng vô danh- xây dựng và bảo vệ Tổ quốc- tác giả liên hệ quá khứ- hiện tại, xưa- nay.

- Các hình ảnh: hạt lúa, hòn than, giọng điệu vv là giá trị vật chất, tinh thần của nhân dân.

Khẳng định vai trò của nhân dân là lưu truyền bản sắc văn hóa dân tộc (trong hàng ngàn năm lịch sử)

- Câu thơ hai vế song song đồng đẳng- Khẳng định đất nước do nhân dân làm nên và tam hồn, cuộc sống của nhân dân gửi gắm vào ca dao, thần thoại : Say đắm trong tình yêu, quý trọng tình nghĩa, căm thù và chiến đấu.

=> Tác giả khẳng định công lao to lớn của nhân dân trên hành trình dựng nước và giữ nước.

***Nghệ thuật :**

- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.
- Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.
- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

BÀI 3 NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ - Nguyễn Tuân

1/ Tác giả: Nguyễn Tuân sinh ra trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn , ông đến với cách mạng và dùng ngòi bút phục vụ hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông thành công ở nhiều thể loại nhưng đặc biệt là tùy bút. Tiêu biểu cho phong cách tài hoa độc đáo chính là tùy bút “Người lái đò Sông Đà”. Tác phẩm đã khắc họa thành công...

2/Tác phẩm: “*Người lái đò Sông Đà*” là kết quả của nhiều dịp đến với Tây Bắc của Nguyễn Tuân, đặc biệt là chuyến đi thực tế năm 1958. Đây là một trong số 15 bài tùy bút của ông in trong tập “Sông Đà” năm 1960.

2.1. Vẻ đẹp hình tượng con sông Đà

2.1.a. Hình tượng con sông Đà hiện lên như một “nhân vật” có hai tính cách trái ngược:

*** Sông Đà – con Sông Tây Bắc hung bạo:**

- Cảnh đá : dựng đứng, rất cao, hẹp và tối. “ *Có vách đá thành chẹn lòng sông như một cái yết hầu*”, “*Mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời*”. Con hồ con nai có thể vọt qua sông, và chỉ cần nhẹ tay thôi cũng có thể ném hòn đá từ bờ bên này qua bên kia vách. “*Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè cũng thấy lạnh*”. => vẻ đẹp của sự hùng vĩ mà thiên nhiên mang lại

- Mặt ghềnh Hát Loóng với sự hợp sức của gió, sóng và đá “*dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm ...*” , Sử dụng động từ mạnh “xô”,

nhiều dấu phẩy liên tiếp, những câu văn cấu trúc trùng điệp, gợi hình ảnh con sông Đà cuồng nộ, dữ dằn như lúc nào cũng muốn tiêu diệt con người

- Những hút nước ở quãng Tà Mường Vát: “*nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc*”, “*chỗ giếng nước sâu ặc ặc lên ...*” . như sẵn sàng nhấn chìm, đập tan chiếc thuyền nào lọt qua. Sông Đà không khác gì loài thủy quái lúc nào cũng muốn tiêu diệt con người

- Âm thanh thác nước như đang “oán trách”, “van xin”, “khiêu khích”, “giọng gằn mà chế nhạo”. Thế rồi bất ngờ âm thanh được phóng to hết cỡ, mạnh mẽ và man dại: “*nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng*” => nghệ thuật nhân hóa, so sánh, phóng đại-> SĐ hiện lên ghê rợn, tâm địa độc ác với kiểu khôn khéo, ranh ma

- Đá trên sông: Bằng thủ pháp nhân hóa những hình thù đá vô tri đã được thổi hồn vào từng thớ đá: “*Cả một chân trời đá ... mặt hòn nào trông cũng “ngỗ ngược”, “nhăn nhúm”, “méo mó”*” chúng mang vẻ du côn của thiên nhiên hoang dại và hung dữ với ba trùng vi thạch

+ Trùng vi thạch thứ nhất bọn đá đũa thì “hắt hàm” đũa thì “thách thức”. Trùng vi thạch thứ hai sông nước bài binh bố trận ở khắp nơi, tăng nhiều cửa tử, cửa sinh nằm ở phía hữu ngạn. Trùng vi thạch thứ ba Sông Đà sắp đặt bên phải bên trái đều là luồng chết, luồng sống ở ngay giữa.

-> Con sông Đà hung bạo, tàn ác không khác gì “kẻ thù số một của con người”. Nhưng cũng chính từ hình ảnh con sông ấy lại là kẻ tôn vinh tài năng nghệ thuật tài hoa, tài tử và cực kỳ uyên

bác của một ngòi bút số một về thể loại tùy bút VN.

* **Sông Đà – con Sông Tây Bắc trữ tình:**

- Sông Đà như một người thiếu nữ Tây Bắc với vẻ đẹp trẻ trung, trữ tình và duyên dáng. Từ trên tàu bay nhìn xuống “*con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo ...*” => như một mỹ nhân đang làm duyên, làm dáng với Tây Bắc

- Màu sắc dòng sông thay đổi theo mùa “*mùa xuân xanh màu ngọc bích*”. Mùa thu nước sông “*lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa*”. Sông Đà mỗi mùa mang một vẻ đẹp riêng, quyến rũ và tình tứ.

- Nhìn sông Đà như một cô nhân, nhà văn cảm nhận rõ nét cái chất “*đằm đằm ẩm ẩm*” thân quen của con sông và nhất là cái chất thơ như ngấm vào trong từng cảnh sắc thiên nhiên sông Đà.

- Từ điểm nhìn của một du khách trên dòng sông, cảnh vật ven sông vừa hoang sơ nhuốm màu cô tịch, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống: “*Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*”.

2.1.b. Ông lái đò trên sông Đà trong bài tùy bút *Người lái đò sông Đà*

***Ngoại hình**

- Ông lái đò là một ông già 70 tuổi, tóc bạc trắng, da ánh lên chất sừng mun, cánh tay chắc khỏe, ánh mắt tinh anh, ông sinh ra và lớn lên ngay bên bờ sông Đà. Phần lớn cuộc đời ông

dành cho nghệ lái đò dọc trên sông Đà – Một nghề đầy gian khổ và nguy hiểm. **Ông lão là một người trí dũng tuyệt vời** nắm vững quy luật khắc nghiệt của dòng sông Đà. Nhớ rõ từng cửa tử, cửa sinh trên những “thạch trận” sông Đà. Ông sẵn sàng đối mặt với thác dữ, chinh phục “cửa tử”, “cửa sinh” bằng những hành động táo bạo và chuẩn xác. Ông hiện lên như một vị chỉ huy dày dặn kinh nghiệm.

***Vẻ đẹp tâm hồn:**

- Thể hiện sự từng trải, giàu kinh nghiệm, có sự hiểu biết SD

+ Ở trùng vây thứ nhất: thần sông dàn ra năm cửa đá, thì có đến bốn cửa tử, 1 cửa sinh. Luồng sóng hung tợn nhưng người lái đò bình tĩnh, giữ chắc mái chèo giúp con thuyền “khỏi bị hất khỏi bờm sóng trận địa phóng thẳng vào mình”. Ngay cả lúc bị trúng đòn. Mặt méo bệch đi nhưng ông vẫn tinh táo chỉ huy con thuyền lướt đúng vào luồng sinh.

+ Ở trùng vây thứ hai: tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào. Nhưng ông lái đò đã nắm chắc quy luật của thần sông, thần đá nên lập tức thay đổi chiến thuật “bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh” tả xung, hữu đột như một chiến tướng dày dặn kinh nghiệm trận mạc đưa được con thuyền vượt qua cửa tử.

+ Ở trùng vây thứ 3: Thạch trận ít cửa tử hơn, nhưng bên phải, bên trái đều là luồng chết cả. Nhưng ông lái đò không hề bất ngờ tiếp tục chỉ huy con thuyền vượt qua trùng vây thứ ba

- Là người tài hoa, nghệ sĩ.

+ Ông đối đầu với ghềnh thác cuồng bạo bằng sự tự tin, ung dung nghệ sĩ. Tay lái linh hoạt, tài hoa như người nghệ sĩ trên sông nước.

+ Dưới bàn tay chèo lái điêu luyện của ông, con thuyền như bay trong không gian, ông lái đò nhìn thử thách bằng cái nhìn giản dị mà lãng mạn, bình tĩnh mà hùng dũng ngay cả lúc bị thương. Sau cuộc vượt thác gian nan, ông đò lại có phong thái ung dung của một nghệ sĩ : “nướng ông cơm lam và bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh....”. Khi lái đò ông là nghệ sĩ trên sông nước, khi kết thúc công việc, ông lại là người bình thường. Đó là vẻ đẹp của người anh hùng trong lao động.

*** Nghệ thuật:**

- Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: những con người đáng trân trọng, ngợi ca, không thuộc tầng lớp đài các vang bóng một thời mà là những người lao động bình thường-chất vàng mười của Tây Bắc. Qua đây, nhà văn muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.

- Không chỉ giới thiệu, khẳng định và ca ngợi con người lao động ở Tây Bắc của Tổ quốc mà còn thể hiện tình yêu mến, gắn bó thiết tha của tác giả đối với đất nước và con người Việt Nam.

BÀI 4: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG

(Hoàng Phủ Ngọc Tường)

1. Tác giả: - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế, có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, chuyên về thể loại bút ký.

- Phong cách nghệ thuật: luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, nghị luận sắc bén tư duy đa chiều với một lối hành văn hướng nội, mê đắm, tài hoa

2. Tác phẩm

Hoàn cảnh sáng tác: Được viết ở Huế năm 1981, in trong tập sách cùng tên. Bút kí mang cho người đọc một cảm nhận mới đầy chất thơ về dòng sông Hương theo dòng chảy của nó từ Trường Sơn cho đến khi chảy vào thành phố Huế.

2.1. Vẻ đẹp được phát hiện từ cảnh sắc thiên nhiên qua thủy trình của dòng sông Hương:

-Từ thượng nguồn

+ Sông Hương có mối quan hệ sâu sắc với dãy Trường Sơn hùng vĩ là bản trường ca của rừng già “*Rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào giữa những đáy vực..*” → nghệ thuật nhân hóa thể hiện ấn tượng sức sống mãnh liệt, hoang dại, bí ẩn của dòng sông. Dịu dàng, trữ tình và say đắm; “*có lúc nó dịu dàng giữa những dăm dãi chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên....*”.

Khi chảy qua địa hình hiểm trở mang vẻ đẹp dữ dội “*cuộn xoáy như cơn lốc xoáy vào đáy vực bí ẩn*”

+Sông Hương như một sinh thể có hồn với sức mạnh bản năng của người con gái “*như một cô gái Di-gan phóng khoáng man dại.*”

+ Sức mạnh của sự chế ngự của rừng già đã hun đúc cho nó 1 bản tính gan dạ, 1 tâm hồn tự do

, phóng khoáng

→ Vẻ đẹp của một sức sống trẻ trung, mãnh liệt và hoang dại

-Khi ra khỏi rừng già: Đóng kín phần tâm hồn sâu thẳm của mình ở cửa rừng...Mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở. Thể hiện vẻ đẹp đầy bí ẩn, sâu thẳm của dòng sông.

-Ở ngoại vi thành phố, sông Hương đã trải qua một hành trình đầy gian truân và nhiều thử thách, dòng sông này như một cuộc tìm kiếm có ý thức người tình nhân đích thực của người con gái trong một câu chuyện tình yêu nhuốm màu cổ tích. “chuyến dòng liên tục”, “vẽ một hình cung thật tròn”, “ôm lấy chân đồi Thiên Mục”, rồi trôi dần về Huế, trở nên biến ảo vô cùng có lúc “mềm như tấm lụa” khi qua Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo; có khi ánh lên “những phản quang nhiều màu sắc sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” , “vẻ đẹp trầm mặc” khi qua bao lăng tẩm...

- Khi trong lòng thành phố Huế : Sông Hương nhìn thấy hình ảnh “chiếc cầu trắng in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non” đó là chiếc cầu nổi đôi bờ thơ mộng, nhà văn còn thổi linh hồn vào cảnh vật, sông Hương “vui tươi hẳn lên” rồi uốn một cánh cung thật nhẹ khiến “dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”, qua cách cảm nhận âm nhạc, sông Hương đẹp như điệu slow chậm rãi, sâu lắng, trữ tình và với cái nhìn say đắm của một trái tim đa tình, sông Hương là người tình dịu dàng và chung thủy. Rồi khỏi kinh thành sông Hương lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và rồi như sực nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột rẽ ngoặt gặp lại thành phố lần cuối tựa như một “nỗi vương vấn”, và như còn có cả “một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu”....

2.2. Vẻ đẹp được phát hiện từ cảnh sắc thiên nhiên qua thủy trình của dòng sông Hương:

- Vẻ đẹp từ góc độ lịch sử: sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu những thế kỉ vinh quang từ thuở còn là một dòng sông biên thủy xa xôi của đất nước các vua Hùng, là “dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại” “nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ” “nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ XIX “ nó chứng kiến thời đại mới với CM tháng Tám năm 1945 và bao chiến công rung chuyển qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc sau này...

- Vẻ đẹp từ góc độ văn hóa

Sông Hương là nhân chứng nhẫn nại và kiên cường qua những thăng trầm của cuộc đời. Là người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya, nơi sinh thành ra toàn bộ nền âm nhạc có điển của Huế cũng là nơi cảm hứng để Nguyễn Du viết lên khúc đàn của nàng Kiều. một dòng sông thơ ca không lặp lại mình. Trong thi ca sông Hương không lặp lại mình bao giờ là vẻ đẹp mơ màng “Dòng sông trắng lá cây xanh” trong thơ Tản Đà. Vẻ đẹp hùng tráng “như kiếm dựng trời xanh” của Cao Bá Quát. Là nỗi quan hoài vạn cổ trong thơ bà Huyện Thanh Quan. Là sức mạnh phục sinh tâm hồn trong thơ Tố Hữu. Tuy nhiên điều làm nên làm nên vẻ đẹp giản dị mà khác thường của dòng sông là ở chỗ.

- **Nghệ thuật:** Văn phong tao nhã, tinh tế, hướng nội, tài hoa; Ngôn từ phong phú, câu văn giàu nhạc điệu, gợi hình, gợi cảm; Các biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh được sử dụng hiệu quả...

- Đánh giá về lối hành văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường qua bài kí: hướng nội, thể hiện lối viết mê đắm tài hoa, có tri thức sâu rộng và cái nhìn tinh tế đầy tính phát hiện mới mẻ.

3. Chất trí tuệ và chất thơ của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

* **Chất trí tuệ:** Hoàng Phủ Ngọc Tường vận dụng những am hiểu trong ca dao Huế vào bút kí của mình.

- Những hiểu biết về phương diện địa lí để miêu tả vẻ đẹp của sông Hương từ thượng nguồn, đến đồng bằng, cho đến cố đô Huế.
- Những hiểu biết về lịch sử văn hoá.
- Sự liên tưởng so sánh với các công trình kiến trúc của Hi Lạp, La Mã, nền văn minh Châu Âu.
- Những tác phẩm văn học Châu Âu, những lời nhận xét của các nhà khoa học nước ngoài.

* **Chất thơ:**

- Cách ví von, so sánh đầy chất thơ, mượt mà, ý vị. Những câu văn có sự mài dũa, đẽo gọt kĩ càng, nhẹ nhàng như một câu thơ.

C. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Định hướng ra đề

+ Trích đoạn thơ, đoạn kí, tùy bút (Mức độ Vận dụng cao).

+ Dạng câu hỏi: khá giống với đề thi năm 2018, 2019, 2020, 2021

+ Phạm vi kiến thức: nội dung chương trình lớp 12 Kì 1

+ Đề cung cấp sẵn ngữ liệu, sẽ giảm nhẹ gánh nặng học thuộc dẫn chứng, nhưng đòi hỏi kĩ năng lập ý, phân tích, xác định luận điểm, luận cứ.

+ Có tính phân hóa: sử dụng câu hỏi có đuôi phân hóa – nhận xét .

2. Đề minh họa

Đề 1: Trong bài thơ *Sóng*, Xuân Quỳnh viết:

*Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu*

Bồi hồi trong ngực trẻ

(Theo *Ngữ văn 12*, Tập một; NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, tr. 155)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về quan niệm và khát vọng tình yêu của con người trong đoạn thơ trên.

Đề 2 :

Cảm nhận đoạn thơ sau trích trong bài thơ “*Đất Nước*” (trích trường ca “*Mặt đường khát vọng*” của Nguyễn Khoa Điềm:

“ Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...”

(*Ngữ văn 12*, tập 1, Nxb Giáo dục, 2008, trang 119-120)

Đề 3: “*Sóng nước như thể quân liều mạng Thế là hết thác*”.

Trình bày cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lái đò Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét cách nhìn con người của nhà văn Nguyễn Tuân trong tác phẩm *Người lái đò Sông Đà*.

Đề 4: Trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân có viết:

(1) Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

(...)

(2) Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.

Phân tích những hình tượng Sông Đà qua đó thấy rõ phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân.

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP VÀ LÀM BÀI TỐT!